

Số: 156/QĐ-UBND

Hướng Hóa, ngày 22 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 19 tháng 01 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp huyện tại Tờ trình số 03 /TTr-TP ngày 20 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 21 xã, thị trấn (có danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.

Điều 2. Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện công bố danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 trên Cổng thông tin điện tử huyện Hướng Hóa theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp huyện, các thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- TT Hội đồng đánh giá TCPL huyện (Tư pháp);
- Lưu: VT, TP .

CHỦ TỊCH *du*



Đặng Trọng Vân

Hương Hóa, ngày 22 tháng 01 năm 2021

DANH SÁCH
XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Hương Hóa)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I							
1	Tân Long	95	15	29,74	24	10	16	100
2	Hương Phùng	94	15	28,86	22,5	9,88	18	98,40
3	Khe Sanh	94	13	30	25	10	16	100
4	Lao Bảo	93	15	29,5	22,5	10	16	100
5	Thanh	93	15	29,24	21,5	10	17	100
6	Tân Thành	93	15	29,5	22,5	9,5	16	100
7	Ba Tầng	92	15	29,5	21	10	16	100
8	A Dơi	91	14	29,75	21,5	10	16	100
9	Lìa	91	15	30	24	10	12	100
10	Hương Lập	91	15	28,5	21,5	10	16	100
11	Hương Việt	90	11,75	29,5	23	10	16	100
12	Thuận	90	15	29,5	21,5	8	16	100
13	Xy	90	14	30	20	10	16	100
II	Loại II							
14	Tân Hợp	93	11,5	30	23	9,5	19	100
15	Tân Liên	93	13,5	29	21,5	10	19	100
16	Hương Sơn	90	14	29,25	20,25	10	16	100
17	Tân Lập	88	15	29,25	18,5	9,5	16	100
18	Hương Tân	86	9,75	28	22	10	16	100
19	Hương Lộc	84	14	27,25	16,75	10	16	100
20	Hương Linh	83	15	30	17,8	10	10	100
21	Húc	81	14	26,75	18,5	10	12	99,68